

Bản án số: **94/2022/KDTM-ST**

Ngày 06-9-2022

V/v tranh chấp

Hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thúy;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phan Anh;

Ông Lê Bá Lung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phương Ly- Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, TP Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh T thụ lý số 40/2022/TLST-KDTM ngày 16 tháng 5 năm 2022 về *Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2022/QĐXX-ST ngày 15/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần sản xuất vật liệu X NA II; Địa chỉ trụ sở: Thôn Chánh Hòa, xã Nam T, huyện Bồ T, tỉnh Quảng Bình; Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Công Th - Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Anh H; Địa chỉ: Số 53/53 phố V, phường Sài Đồng, quận Long Biên, Hà Nội. Ông H có mặt.

Bị đơn: Công ty cổ phần X và T 343; Địa chỉ trụ sở: Số 36 ngõ 2 phố PM, phường PM, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân Th1 - Giám đốc. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất vật liệu X NA II trình bày:

Ngày 01/12/2020 Công ty cổ phần X và T 343 (sau đây gọi tắt là Công ty 343) ký Hợp đồng kinh tế số 1201/HĐKT-NAII-343/2020 với Công ty cổ phần sản xuất vật liệu X NA II (sau đây gọi tắt là Công ty NA II) để mua bê tông thương phẩm. Giá trị hợp đồng được tính toán dựa trên khối lượng bê tông theo yêu cầu thực tế công trình đã thực hiện. Giá trị cuối cùng của hợp đồng được xác

định dựa trên khối lượng được hai bên ký xác nhận trong các Phiếu giao hàng. Căn cứ các Phiếu giao hàng của từng đợt đổ có xác nhận của bên A, bên B tổng hợp và cuối tháng hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng, giá trị thực hiện trong tháng thì bên A thanh toán 100% giá trị trong tháng cho bên B trong vòng 5 ngày làm việc.

Công ty NA II đã cung ứng hàng hóa cho Công ty 343 kể từ tháng 8/2020 đến tháng 4/2021. Tổng số tiền mà Công ty 343 phải trả Công ty NA II là 1.381.911.000 đồng sau 13 lần giao dịch. Từ ngày 31/7/2021 đến ngày 29/11/2021, Công ty 343 còn nợ Công ty NA II số tiền là 567.031.000 đồng. Ngày 30/11/2021, Công ty 343 thanh toán số tiền 50.031.000 đồng. Hợp đồng giữa 2 Công ty được thực hiện đến hết tháng 4/2021, căn cứ thỏa thuận về thời hạn thanh toán được ghi trong hợp đồng Công ty 343 phải thanh toán toàn bộ số tiền mua bê tông vào đầu tháng 5/2021, nhưng cho đến nay Công ty 343 vẫn chưa thanh toán hết số tiền còn nợ cho Công ty NA II.

Nay Công ty NA II đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty 343 phải thanh toán số tiền gốc còn nợ là 517.000.000 đồng.

Về lãi chậm trả: Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Công ty NA II yêu cầu Công ty 343 phải thanh toán số tiền chậm trả với lãi suất là 10%/năm. Thời gian chậm trả từ ngày 01/8/2021 đến ngày 30/11/2021 (4 tháng) nợ gốc là 567.031.000 đồng, tiền lãi tương ứng là 18.901.033 đồng; từ ngày 01/12/2021 đến ngày 31/3/2022 (4 tháng) nợ gốc là 517.000.000 đồng, tiền lãi tương ứng là 17.233.000 đồng. Tổng số tiền lãi là 36.134.033 đồng.

Bị đơn Công ty 343 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc tại Tòa án. Ngày 06/6/2022 và ngày 05/7/2022 Công ty 343 đã gửi đơn đề nghị theo đường bưu điện với nội dung như sau: Khoản công nợ giữa Công ty 343 và Công ty NA II phát sinh tại công trình cầu Cổng Mười thuộc dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải – tiểu dự án thành phố Đồng Hới và trong thời gian qua Công ty NA II đã có văn bản gửi Chủ đầu tư (Ban quản lý dự án môi trường và biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình) về việc công nợ này và Chủ đầu tư cũng đã chỉ đạo thanh toán trực tiếp cho Công ty NA II từ nguồn nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành xây lắp giữa Công ty 343 và Chủ đầu tư. Hiện tại hồ sơ nghiệm thu đã được các bên ký kết và trình Chủ đầu tư trong tuần này (ngày 14/7/2022), theo dự kiến của Công ty 343, Chủ đầu tư sẽ giải quyết trong thời gian khoảng 15 ngày, khi đó công nợ hai bên sẽ được giải quyết.

Tại phiên tòa:

- *Đại diện nguyên đơn trình bày:* Công ty 343 nói rằng Chủ đầu tư sẽ thanh toán trực tiếp cho Công ty NA II là sai nguyên tắc, bởi Chủ đầu tư không mua

nguyên vật liệu X từ phía Công ty NA II mà bên mua là Công ty 343. Vì vậy Công ty 343 có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty NA II toàn bộ số công nợ còn thiếu. Theo các công văn Công ty 343 đã gửi đến Tòa án cũng như đã gửi cho Công ty NA II, Công ty 343 đã hứa hẹn trong khoảng 15 ngày kể từ ngày gửi Đơn đề nghị số 017/VP343 thì khoản công nợ giữa hai bên sẽ được giải quyết. Tuy nhiên đến nay đã quá thời hạn trên, Công ty NA II đã nhiều lần yêu cầu Công ty 343 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không nhận được phản hồi từ phía Công ty 343. Nay Công ty NA II đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty 343 phải trả cho Công ty NA II số tiền nợ gốc là 517.000.000 đồng và số tiền chậm trả với lãi suất là 10%/năm; thời gian chậm trả từ ngày 01/8/2021 đến ngày 30/11/2021 (4 tháng) nợ gốc là 567.031.000 đồng, tiền lãi tương ứng là 18.901.033 đồng; Từ ngày 01/12/2021 đến ngày 31/8/2022 (9 tháng) nợ gốc là 517.000.000 đồng, tiền lãi tương ứng là 38.775.000 đồng. Tổng số tiền lãi là 57.676.033 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 574.676.033 đồng. Công ty NA II không yêu cầu lãi chậm trả từ ngày 01/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- *Đại diện bị đơn trình bày:* Công ty 343 xác nhận còn nợ số tiền nợ gốc là 517.000.000 đồng như đại diện nguyên đơn trình bày. Hiện tại chủ đầu tư đã phê duyệt hồ sơ nghiệm thu và sẽ chuyển tiền thẳng vào tài khoản của Công ty NA II số tiền nợ gốc còn lại. Về số tiền lãi chậm trả trong Hợp đồng giữa Công ty NA II và Công ty 343 không quy định về lãi chậm trả, ngoài ra việc chậm trả tiền có lỗi của Công ty NA II, do Công ty NA II đã gây áp lực với nhà thầu yêu cầu phải trả tiền mới cho nghiệm thu, dẫn đến việc chậm thanh toán nên Công ty 343 không đồng ý trả lãi chậm trả cho Công ty NA II.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp cùng các tài liệu Tòa án thu thập được xác định đây là vụ án kinh doanh T tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hóa. Công ty cổ phần X và T 343 có địa chỉ trụ sở tại số 36, ngõ 2, phố PM, phường PM, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- *Về yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 1201/HĐKT-NAII-343/2020 ngày 01/12/2020:*

Xét Hợp đồng kinh tế số 1201/HĐKT-NAII-343/2020 ngày 01/12/2020 có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết

vụ án, hai bên không có ý kiến gì về Hợp đồng đã ký kết, bị đơn cũng xác nhận khoản công nợ giữa Công ty 343 và Công ty NA II phát sinh tại công trình cầu Cổng Mười thuộc dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải – tiểu dự án thành phố Đồng Hới. Do đó, có đủ căn cứ khẳng định Hợp đồng mua bán hàng hóa trên là hợp pháp và có giá trị thực hiện đối với Công ty NA II và Công ty 343.

Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 09/8/2021, Công ty 343 xác nhận tính đến hết ngày 31/7/2021, Công ty 343 còn nợ Công ty NA II số tiền 567.031.000 đồng. Sau đó theo sao kê tài khoản nguyên đơn cung cấp: ngày 30/11/2021 Công ty 343 đã thanh toán cho Công ty NA II số tiền 50.031.000 đồng. Còn nợ 517.000.000 đồng.

Vì vậy Công ty NA II làm đơn khởi kiện yêu cầu Công ty 343 thanh toán số tiền còn nợ 517.000.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận. Do vậy, buộc Công ty 343 phải thanh toán cho Công ty NA II số tiền còn nợ là 517.000.000 đồng.

- Về yêu cầu thanh toán số tiền lãi chậm trả:

Về lãi suất chậm trả: Nguyên đơn yêu cầu lãi suất chậm trả là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nhưng quan hệ pháp luật giữa các bên là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa nên phải áp dụng quy định tại Luật T. Trong Hợp đồng đã ký không quy định về lãi chậm trả nhưng tại Điều 306 Luật T quy định: Trường hợp bên vi phạm Hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng thì bên bị vi phạm Hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả; do vậy lãi suất chậm trả được áp dụng theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không xuất trình được tài liệu chứng cứ để xác định lãi suất nên Hội đồng xét xử áp dụng Án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016 và Nghị quyết số 01/2019/HĐTP-NQ ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 306 Luật T để tính lãi trên cơ sở thu thập lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng T tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm, cụ thể:

- Theo Quyết định số 3518/NHNo-KHNV ngày 22/4/2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam quy định lãi suất cho vay ngắn hạn là 8,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn là 12,75%/năm.

- Theo Công văn số 066/TGD-NHCT3 ngày 10/01/2022 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thì lãi suất cho vay ngắn hạn là 8,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn là 12,75%/năm.

- Theo Quyết định số 1159/QĐ-VCB-ALM ngày 06/7/2021 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thì lãi suất cho vay ngắn hạn là 7%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn là 10,5%/năm.

Do đó mức lãi suất quá hạn trung bình một năm là $(8,5\%+8,5\%+7\%) : 3 \times 150\% = 12\%$. Công ty NA II yêu cầu lãi suất chậm trả là 10%/năm. Do mức lãi suất chậm trả Công ty NA II yêu cầu thấp hơn mức lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng nên chấp nhận.

Về thời gian tính lãi chậm trả: Công ty NA II yêu cầu tính lãi chậm trả bắt đầu từ ngày 01/8/2021 (công nợ tính đến ngày 31/7/2021) đến ngày 30/11/2021 (ngày trả số tiền 50.031.000 đồng) là 4 tháng, với số tiền nợ gốc là 567.031.000 đồng, tiền lãi tương ứng là 18.901.033 đồng.

Từ ngày 01/12/2021 đến ngày 31/8/2022 (9 tháng) nợ gốc là 517.000.000 đồng, tiền lãi tương ứng là 38.775.000 đồng.

Tổng số tiền lãi là 57.676.033 đồng.

Công ty NA II không yêu cầu lãi chậm trả kể từ ngày 01/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét yêu cầu về thời gian chậm trả lãi của Công ty NA II là phù hợp pháp luật, có lợi cho Công ty 343 nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty NA II, buộc Công ty 343 phải thanh toán số tiền còn nợ là 517.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả là 57.676.033 đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là 574.676.033 đồng.

Về án phí: Công ty 343 phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Công ty NA II là 26.987.041 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 24; Điều 50; Điều 55; Điều 306 Luật T năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016;

- Căn cứ khoản 1 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần sản xuất vật liệu X NA II đối với Công ty cổ phần X và T 343.

2. Buộc Công ty cổ phần X và T 343 có nghĩa vụ thanh toán trả Công ty cổ phần sản xuất vật liệu X NA II (theo Hợp đồng kinh tế số 1201/HĐKT-NAII-343/2020 ngày 01/12/2020) các khoản tiền sau:

- Tiền nợ gốc: 517.000.000 đồng
- Tiền lãi chậm trả: 57.676.033 đồng.

Tổng cộng 574.676.033 đồng (Năm trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí kinh doanh T sơ thẩm:

- Công ty cổ phần X và T 343 phải chịu án phí kinh doanh T sơ thẩm là 26.987.041 đồng (Hai mươi sáu triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi một đồng).

- Công ty cổ phần sản xuất vật liệu X NA II được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 70113 ngày 11/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố HN;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND Q.Đống Đa;
- Chi cục Thi hành án Đống Đa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thúy

